

Số: 643 /GPMT-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

*Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 543/QĐ-STNMT-VP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường đối với Cơ sở “Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario” của Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario tại số số E9/58A, Ấp 5, đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra ngày 11 tháng 01 năm 2024;*

*Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 186/SM-GPMT ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và Công văn số 18/CV-MT ngày 18 tháng 6 năm 2024 về chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario và các hồ sơ kèm theo.*

*Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 1452.../TTr-CCBVMT-KSON ngày 02 tháng 07 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario, địa chỉ trụ sở chính tại số E9/58A, Ấp 5, đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario” tại địa chỉ số E9/58A, Ấp 5, đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

- 1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số E9/58A, Ấp 5, đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.3. Địa chỉ trụ sở chính: số E9/58A, Ấp 5, đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0303577357, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13 tháng 08 năm 2018 do

Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9842229374 chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.5. Mã số thuế: 0303577357.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các loại túi nhựa.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Cơ sở thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích khu đất của cơ sở: 14.268 m<sup>2</sup> (theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 01.2019/HĐKT/QQ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH TM&DV Quỳnh Quang và Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario).

- Công suất: sản xuất các loại túi nhựa, công suất 24.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất bao bì: Hạt nhựa nguyên sinh → Trộn màu → Thổi màng → Cắt, cuộn → Kiểm tra → In nhãn → Đóng gói → Nhập kho.

+ Quy trình sản xuất hạt nhựa tái sinh: Sản phẩm lỗi, hàng thừa → Phân loại → Băm xay → Gia nhiệt, dùng ép → Làm nguội → Cắt sợi thành hạt → Đóng bao lưu kho.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của Cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

**Điều 4.** Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- UBND/Phòng TNMT huyện Bình Chánh;
- UBND xã Hưng Long, huyện Bình Chánh;
- Trang thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT. H. 07.

Bb

UJ

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Thanh Mỹ**





**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ**  
**NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 643/GPMT-STNMT-CCBVMT  
 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên nhà xưởng 01;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên nhà xưởng 02;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên khu vực nhà ăn;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên khu văn phòng.

Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, TDS, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Sunfua, Photphat, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả thải trước địa chỉ số E9/58A đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí điểm xả thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°): X: 1180146; Y: 594321.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 14 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý (sau hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm) phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và theo đường ống đường kính 34 mm dẫn về hố ga nội bộ của cơ sở, sau đó theo đường ống

uPVC đường kính 200mm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường An Phú Tây – Hưng Long.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân viên nhà xưởng số 01 (tương ứng với nguồn số 01) sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.







- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân viên nhà xưởng số 02 (tương ứng với nguồn số 02) sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân viên khu vực nhà ăn (tương ứng với nguồn số 03) sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân viên khu vực văn phòng (tương ứng với nguồn số 04) sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng và thể tích: 04 bể, thể tích mỗi bể 16,8 m<sup>3</sup>.

- Vị trí: tại khu vực nhà xưởng số 01, khu vực nhà xưởng số 02, khu vực nhà ăn, khu vực văn phòng.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Bùn thải từ bể tự hoại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường An Phú Tây – Hưng Long). Bùn thải → Bể chứa bùn → Đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Hóa chất sử dụng: Clorine, mật rỉ đường.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường cống rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước và loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Khi phát hiện hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại bể xử lý nước thải thì dừng sản xuất của toàn bộ nhà máy để tiến hành khắc phục.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực (Chủ cơ sở thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: nước thải tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ





môi trường. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án; xả thải đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải; hồ ga giám sát nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra. Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xây dựng hệ thống xử lý.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





## PHỤ LỤC 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 643/GPMT-STNMT-CCBVMT  
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy trộn tại nhà xưởng 01
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy cắt tại nhà xưởng 01.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy ó số 01 tại nhà xưởng 02.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy ó số 02 tại nhà xưởng 02.
- Nguồn số 05: Khu vực đặt máy cắt lung men tại nhà xưởng 02.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

- Nguồn số 01: X = 1180166; Y = 594497.
- Nguồn số 02: X = 1180171; Y = 594526.
- Nguồn số 03: X = 1180155; Y = 594374.
- Nguồn số 04: X = 1180156; Y = 594395.
- Nguồn số 05: X = 1180152; Y = 594438.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết máy để cho dầu bôi trơn nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh từ máy móc, thiết bị.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.





**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**PHỤ LỤC 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 643/GPMT-STNMT-CCBVMT  
ngày 13 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	105
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5
4	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	10
<b>TỔNG</b>			<b>150</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	750
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	500
3	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	08 02 08	10

TT	Chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
	như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên		
4	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên	12 06 13	22.464
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>23.724</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	87,05
	<b>TỔNG</b>	<b>87,05</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng sắt.

#### 2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa khép kín, kết cấu tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, có rãnh thu gom chất thải lỏng, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (cát khô) và xẻng, giẻ lau để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao PP, thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường:





a) Bùn thải:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý: lưu chứa tại bể chứa bùn thể tích 01 m<sup>3</sup>.

b) Chất thải còn lại:

- Diện tích kho lưu chứa: 8 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế cấu tạo: có mái tôn, tường tôn, nền có độ cao nền và có kê pallet cao 15 cm chống thấm, có gờ chống nước mưa tràn vào, có biển hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: lưu chứa trong các loại thùng nhựa có nắp đậy, thực hiện phân loại chất thải theo quy định và chuyên giao hằng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**PHỤ LỤC 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 643/GPMT-STNMT-CCBVMT  
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 233/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario tại địa chỉ E9/58A, Ấp 5, đường An Phú Tây – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Bảo đảm thu gom, quản lý, kiểm soát bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở, đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra môi trường.

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty chịu toàn bộ trách nhiệm đối với chất thải phát sinh tại cơ sở.

4. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định hiện hành.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.



5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP./.

MM

ky